

Bản án số: 591/2023/HC-PT  
Ngày 26 tháng 7 năm 2023  
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 787/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2023/QĐPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972; trú tại: số 74, đường T, khu phố X, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T:* ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; trú tại: số 40/17A, đường C, khu phố 1, Phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phan Văn H, Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh N - Chủ tịch UBND tỉnh T (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T:*

+ Ông Trần Văn Q, chức vụ: Phó giám đốc, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

+ Ông Lương Nguyễn Đăng D, chức vụ: Phó Giám đốc, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Bảo C, chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hữu T1 - Viên chức, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh T ( có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T:*  
Ông Trần Ngọc L - Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1970. Trú tại: số 74, đường T, khu phố X, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.3. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1962. Trú tại: E33/10, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Đức P1, sinh năm 1978; trú tại: số 117, đường H, khu phố X, Phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3.5. Ông Nguyễn Phú Đ1, sinh năm 1982; trú tại: khu phố X, Phường X, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Đức P1 và ông Nguyễn Phú Đ1 là:* ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972; trú tại: số 74, đường Thành Thái, khu phố X, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh ( có mặt).

*Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Hữu T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện – ông Nguyễn Hữu T và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn C1, sinh năm 1918 và cụ Nguyễn Thị D1, sinh năm 1919 là ông bà nội của ông T. Trước khi chết, hai cụ có để lại cho 05 người anh em ruột của ông T là ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Đức P1, ông Nguyễn Phú Đ1 và ông T mỗi người 03 ha đất, tổng cộng 15 ha, tọa lạc tại khu phố 5, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây theo Tờ tương phân lập ngày 25-12-1994, được Ủy ban nhân xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành (nay là phường H, thị xã H) tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 26-12-1994.

Phần lớn diện tích đất 15 ha này đã bị Nhà nước thu hồi có đền bù để xây dựng các công trình công cộng theo quy hoạch của tỉnh, hiện chỉ còn lại khoảng 01 ha đất chưa bị thu hồi, do các anh em ông T quản lý chung kể từ năm 1994 cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, từ khi được phân chia năm 1994, các anh em ông T tiếp tục quản lý, khai thác cao su, trồng mì thêm, xây hàng rào. Diện tích này không nằm trong quy hoạch nên không bị thu hồi, không có quyết định đền bù nên thuộc quyền quản lý hợp pháp của các anh em ông T.

Năm 2020, anh em ông T liên hệ Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh thành phố Tây Ninh để kê khai, đăng ký và xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 01 ha đất nêu trên nhưng bị từ chối với lý do đất nằm trong khu quy hoạch và thuộc đất công do Nhà nước quản lý. Gửi kèm “Phiếu từ chối nhận giải quyết hồ sơ” là Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, về việc giao 11.053,9 m<sup>2</sup> đất, tại Phường 3, thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh cho Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh để quy hoạch bố trí khu dân cư. Theo Quyết định này, diện tích đất 01 ha còn lại của anh em ông T đã bị thu hồi nhưng gia đình ông T không biết.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, với lý do sau: diện tích 11.053,9 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh T thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý, thuộc tổng diện tích 09ha,69 của Cụ C1, cụ D1 để lại cho 05 anh em của ông T, có nguồn gốc rõ ràng, có chứng thư cấp quyền sở hữu của chế độ cũ cấp - là giấy tờ chứng minh quyền sở hữu theo Điều 100 của Luật Đất đai, có quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, cho nên quyền sử dụng đất này của anh em ông T là hợp pháp, đúng quy định pháp luật; đồng thời, khi ban hành Quyết định số 361, Ủy ban nhân dân tỉnh T không giao quyết định cho anh em ông T biết. Do đó, yêu cầu hủy Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004 là có căn cứ.

*Người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày tại Văn bản số Theo Văn bản số: 3127/UBND-TD ngày 11-12-2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh T, có nội dung:*

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ có liên quan đến vụ việc của ông Nguyễn Hữu T, Ủy ban nhân dân tỉnh T giữ nguyên Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, về việc giao 11.053,9 m<sup>2</sup> đất, tại Phường 3, thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh cho Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh (gọi tắt là Quyết định số 361) để quy hoạch bố trí khu dân cư; cụ thể: từ sau năm 1975, đất này là đất công do Nhà nước quản lý theo các quyết định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh T qua các giai đoạn, đã giao cho các cơ quan Nhà nước để xây dựng trụ sở. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

Diện tích đất ông T khởi kiện được Ủy ban nhân dân tỉnh T quản lý sau năm 1975, thể hiện qua các quyết định giao đất cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công ty Thủy sản, Công an tỉnh... Căn cứ vào Văn bản số 1484/CP-NN ngày 16-12-1989, của Thủ tướng Chính phủ, về việc giải quyết vườn cây cao su do tư nhân là chủ sở hữu trước năm 1975 không thuộc diện quốc hữu hóa mà Nhà nước đang quản lý có nêu: không xem xét trả lại vườn cao su cho tư nhân là chủ sở hữu trước năm 1975 không thuộc diện quốc hữu hóa mà Nhà nước đang quản lý. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 361 là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày tại Văn bản số 653/UBND-TD ngày 10-6-2021 như sau:* Sau khi được giao đất, Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý, sử dụng đất theo hiện trạng. Đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hữu T2, ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Đức P1 và ông Nguyễn Phú Đ1 thống nhất theo đơn khởi kiện và ý kiến, yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T.*

Tại Bản án số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/9/2022, ông Nguyễn Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy Quyết định số 361. Lý do, diện tích 11.053,9 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh T thu hồi theo Quyết định 361 để giao cho Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý, thuộc tổng diện tích 09ha,69 của Cụ C1, cụ D1 để lại cho 05 anh em của ông T, có nguồn gốc rõ ràng, có chứng thư cấp quyền sở hữu của chế độ cũ cấp - là giấy tờ chứng minh quyền sở hữu theo Điều 100 của Luật Đất đai. Gia đình ông T có quản lý, sử dụng từ trước cho đến nay, cho nên quyền sử dụng đất này của anh em ông T. Vì vậy, trước khi giao đất cho người khác UBND phải có Quyết định thu hồi đất theo Điều 32 luật Đất đai năm 2003. Quyết định 361 giao đất của ông Nguyễn Văn C1 cho thị xã Tây Ninh nhưng không có Quyết định thu hồi là trái pháp luật.

Ngoài ra, việc ban hành quyết định trên là sai về thẩm quyền, sai về diện tích, sai về vị trí và sai về trình tự thủ tục thu hồi đất.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo và ý kiến trên của phía người khởi kiện, vẫn bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong suốt quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm trước đây, phía người khởi kiện yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên hủy Quyết định 361/QĐ-CT ngày 27/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh T vì Quyết định này trái pháp luật, vi phạm Điều 32, Điều 37 luật Đất đai năm 2003; công nhận diện tích 11.053,9 m<sup>2</sup> của các con ông Nguyễn Văn C1 đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo Điều 100 luật Đất đai năm 2003 vì có nguồn gốc rõ ràng và quá trình quản lý sử dụng liên tục, ổn định với các lý do như ông T đã trình bày tại phần kháng cáo nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, trong trường hợp không thể sửa bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại, lý do:

Quyết định 361/QĐ-CT ngày 27/7/2004 do Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành là trái thẩm quyền, đúng phải là UBND tỉnh T; sai về diện tích đất giữa Quyết định 361 với 03 Quyết định trước đây (diện tích đất trong 03 Quyết định trước đây là : 5000m<sup>2</sup> + 5000m<sup>2</sup> + 5.100m<sup>2</sup> = 15.100m<sup>2</sup> nhưng nay chỉ còn 11.053,9m<sup>2</sup> vậy diện tích còn lại hiện nay nằm ở vị trí nào? Ai đang quản lý sử dụng ?); sai về vị trí và trình tự, thủ tục thu hồi đất và chưa bồi thường.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh T tranh luận: Việc Chủ tịch UBND ban hành quyết định 361 có sai về thẩm quyền nhưng bản chất không sai. Về diện tích đất tại Quyết định 361 có khác so với 03 Quyết định giao đất trước đây là do qua các thời kỳ sử dụng đất nên có sự thay đổi về diện tích đất. Ủy ban nhân dân tỉnh T xác định vị trí đất theo bản vẽ kèm theo quyết định 361 là đúng và diện tích đất này đã được thu hồi từ năm 1978 theo Quyết định số 132 ngày 17/11/1978 giao cho Công ty Cơ giới Nông nghiệp theo chủ trương chung của Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Thông nhất như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân

tỉnh Tây Ninh.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện – UBND tỉnh T và người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm (có đơn đề nghị xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện - ông Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 361/QĐ-CT ngày 27/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giao đất. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11-11-2020, ông Nguyễn Hữu T nhận được Phiếu từ chối nhận giải quyết hồ sơ và Quyết định số 361. Ông T cho rằng trước đó không được nhận hoặc biết về Quyết định hành chính trên. Ủy ban nhân dân tỉnh T, Ủy ban nhân dân thành phố T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh trước ngày 11-11-2020 anh em ông T đã nhận hoặc biết được Quyết định số 361. Do đó, ngày 17-11-2020, ông T nộp đơn khởi kiện Quyết định số 361 là còn thời hiệu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm xác định yêu cầu khiếu kiện quyết định hành chính của ông T còn trong thời hiệu là đúng theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[4.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định 361 - về thẩm quyền ban hành: Theo định tại Khoản 1 Điều 37 luật Đất đai 2003 thì thẩm quyền giao đất cho các tổ chức sử dụng đất thuộc UBND tỉnh, Quyết định số 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, về vấn đề này không làm thay đổi bản chất vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích đề phía người bị kiện rút kinh nghiệm mà không hủy quyết định trên vì lý do này là phù hợp.

[4.2] Xét tính hợp pháp về nội dung:

[4.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo lời khai của phía những người khởi kiện, phù hợp với Chứng thư cấp quyền sở hữu ngày 24-9-1968 thể hiện diện tích 11.053,9 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh T giao cho Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý theo Quyết định 361 có nguồn gốc của Cụ Nguyễn Văn C1 và vợ là cụ Nguyễn Thị D1; Cụ C1 được chính quyền chế độ cũ cấp chứng thư cấp quyền sở hữu ngày 24/9/1968 với tổng diện tích 09 ha,69; trước ngày 30-4-1975 thì toàn bộ diện tích đất của Cụ C1 trồng cây cao su trên đất. Sau năm 1975, Nhà nước đã quốc hữu hoá và giao cho các cơ quan Nhà nước quản lý, sử dụng như sau:

Ngày 17/11/1978 UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 132/QĐ giao đất cho Công ty Cơ Giới Nông nghiệp;

Ngày 06/11/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 204/QĐ giao phần đất trên cho Ban quản lý ruộng đất và Đo đạc bản đồ (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh);

Ngày 06/11/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 121/QĐ-UB, về việc giao 5.000 m<sup>2</sup> đất tại Phường 3 - thị xã Tây Ninh cho Công ty Thủy sản để xây trụ sở làm việc;

Ngày 06/11/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 122/QĐ-UB, về việc giao 5.000 m<sup>2</sup> đất tại Phường 3 - thị xã Tây Ninh cho Sở Tài chính để xây trụ sở làm việc;

Ngày 17/12/1987, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 61/QĐ-UB, về việc giao 5.100 m<sup>2</sup> đất tại Phường 3 - thị xã Tây Ninh cho Công an tỉnh Tây Ninh để xây dựng doanh trại Cảnh sát nhân dân;

Ngày 23/12/1993, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 558/QĐ-UB thu hồi toàn bộ đất trồng cao su, đất thổ cư, đất trồng mỳ và đất trồng trong khu qui hoạch phường 3, thị xã Tây Ninh đã được phê duyệt cho Giám đốc Sở Xây dựng quản lý và thực hiện qui hoạch được duyệt thuộc phường 3, thị xã Tây Ninh.

Ngày 27/7/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số: 361/QĐ-CT về việc giao 11.053,9 m<sup>2</sup> đất, tại Phường 3, thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh cho Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh để quy hoạch bố trí khu dân cư.

[4.2.2] Như vậy, ý kiến của phía người bị kiện cho rằng về mặt pháp lý diện tích đất bị điều chỉnh bởi Quyết định 361 nêu trên đã được UBND tỉnh T quản lý từ năm 1978 và giao cho nhiều cơ quan Nhà nước sử dụng, sau đó thu hồi và hiện giao cho Ủy ban nhân dân thành phố T quản lý, sử dụng là có cơ sở. Xét thấy, suốt quá trình phía Ủy ban nhân dân tỉnh T giao đất cho các cơ quan Nhà nước nêu trên quản lý, sử dụng thì phía gia đình ông T không có khiếu nại hay khiếu kiện gì.

[4.2.3]. Xét ý kiến của người khởi kiện và luật sư bảo vệ cho rằng theo qui định tại Điều 32 Luật đất đai năm 2003 mọi trường hợp giao đất cho người khác

phải có Quyết định thu hồi đất nhưng UBND tỉnh ban hành Quyết định giao đất cho UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố T) nhưng không ban hành Quyết định thu hồi đất là trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định 361/QĐ-CT là Quyết định thu hồi đất của Cơ quan Nhà nước giao cho Cơ quan Nhà nước. Trước khi ban hành Quyết định 361/QĐ-CT thì UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định 360 ngày 17/7/2004 về việc thu hồi 03 Quyết định: Quyết định 121; Quyết định 122 và Quyết định 61. Đối với phần đất theo Quyết định số 361 xác định là đất của dân trồng mì, trồng trà (diện tích 3.616 m<sup>2</sup>) tại Điều 2 của Quyết định số 361 có giao cho Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T) xem xét đền bù phần diện tích đất do dân đang quản lý theo quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T sẽ xem xét đền bù đúng đối tượng khi thực hiện dự án đầu tư trên đất. Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 361 là đảm bảo theo qui định của pháp luật đất đai. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến trên của phía người khởi kiện.

[4.2.4 ] Về việc người khởi kiện trình bày phía người khởi kiện trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay và có cung cấp lời khai xác nhận của một số người làm chứng để chứng minh hiện vẫn còn trực tiếp sử dụng đất, cụ thể: bà Nguyễn Thị Kim Yến, sinh năm 1964, trú tại 88 hẻm 59, phường 3, TP Tây Ninh khai từ năm 1990 đến năm 2010 gia đình bà có cạo mủ cao su cho gia đình ông Nguyễn Hữu T; ông Lê Minh Chánh , sinh năm 1968, trú tại số 7, Trường Lộc, Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh khai từ năm 2012 đến 2018 năm nào ông cũng mua cây cao su già của gia đình ông T; bà Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1955, trú tại 58, đường số 9, KP Hiệp Long, phường H, thị xã H, Tây Ninh khai từ năm 1990 đến năm 2007 năm nào bà cũng mua cây cao su già của gia đình ông T (trước đây là ông C1). Tuy nhiên, lời khai trên của những người làm chứng không được phía người bị kiện thừa nhận. Ngoài lời khai của người làm chứng thì phía người khởi kiện cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về quá trình kê khai đăng ký và sử dụng đất.

[4.2.5] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 11-11-2021 của Tòa án cấp sơ thẩm thì trên diện tích đất 11.053,9 m<sup>2</sup> cũng không có gì thay đổi so với quy định tại Điều 1 của Quyết định số 361 và sơ đồ kèm theo. Như vậy, kể từ khi được giao đất đến nay, Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ quản lý đất theo hiện trạng mà không có sự đầu tư trên đất. Các cây trồng trên đất là cây lâu năm và một số cây trà tự mọc, điều này không thể hiện hiện tại thời điểm ban hành Quyết định 361 và cho đến hiện nay phía người khởi kiện đang trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng đất như đã trình bày. Do đó, ý kiến của người khởi kiện cho rằng tại thời điểm thu hồi đất theo Quyết định 361 và hiện nay phía người khởi kiện đang trực tiếp sử dụng đất là không có cơ sở.

[4.2.6] Tại Văn bản số 1484/CP-NN, ngày 16-12-1989 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết vườn cây cao su do tư nhân là chủ sở hữu trước năm 1975 không thuộc diện quốc hữu hóa mà Nhà nước đang quản lý có nêu: không xem xét trả lại vườn cao su cho tư nhân là chủ sở hữu trước năm 1975 không thuộc diện quốc hữu hóa mà Nhà nước đang quản lý.

[4.2.7] Căn cứ Khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 qui định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo qui định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*”.

[4.2.8] Từ những cơ sở pháp lý phân tích tại các mục [2 ] đến mục [4.2.8 ], không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T và đề nghị của luật sư yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hoặc huỷ án sơ thẩm để làm rõ những mâu thuẫn theo quyết định 361 về nguồn gốc, diện tích, vị trí đất tranh chấp.

Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T là có cơ sở nên giữ nguyên.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với qui định của pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo qui định.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và phát sinh hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 361/QĐ-CT ngày 27-7-2004, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số: 0001476 ngày 20-11-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông T đã nộp xong.

1.3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu số: 0000368 ngày 21/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Sau khi khấu trừ ông T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, PMT, 23b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**